

Số: 207/QHTLMN

TP. HCM, ngày 2 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi.

Thực hiện đề nghị của Tổng cục Thủy lợi về việc góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sau khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch gửi kèm, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam có một số góp ý như sau:

1) **Về căn cứ pháp lý:** Cần bổ sung một số căn cứ pháp lý quan trọng đối với vùng ĐBSCL:

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Quyết định 287/QĐ-TTg ngày 28/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 379/QĐ-TTg, ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2) **Hiện trạng hạ tầng phòng chống thiên tai:**

- Cần xác định các loại hình thiên tai của Kiên Giang, từ đó mới đánh giá hạ tầng phòng chống thiên tai cho từng loại.

- Trong báo cáo có sử dụng đề mục “Hạ tầng phòng chống ngập mặn” là không phù hợp. Ở đây loại hình thiên tai thường xảy ra là: “ngập úng”, “ngập lũ” hoặc “hạn hán, xâm nhập mặn” nếu đánh giá chung là “ngập mặn” không đúng bản chất của loại hình thiên tai.

- Cập nhật lại hiện trạng hạ tầng phòng chống xâm nhập mặn, “Hiện đang thực hiện các dự án cống kiểm soát mặn: cống Sông Kiên, Kênh Cụt, Vàm Bà Lực...”. Hiện nay, cống Sông Kiên và Kênh Cụt đã hoàn thành xong, cống kênh Nhánh, âu Thuyền Vàm Bà Lịch, T3- Hòa Điền và 16 cống ven biển Tây vùng An Minh, An Biên hiện đang được đầu tư xây dựng.

- Trong báo cáo, hạ tầng phòng chống lũ được đánh giá chung cho 2 vùng TGLX và TSH. Như vậy, sẽ bao gồm cả hạ tầng của các tỉnh An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang. Cần tập trung kỹ hơn vào các công trình của Kiên Giang, hoặc nếu không cần nói rõ giới hạn của các hệ thống công trình kiểm soát lũ.

- Hạ tầng phòng chống lũ vùng TGLX: Cập nhật các công trình kiểm soát lũ biên giới. Hiện nay, hai đập cao su Tha La và Trà Sư đã được thay thế bằng cống Tha La (3x20m) và cống Trà Sư (4x20 m).

- Việc đánh giá hạn chế của các công trình kiểm soát lũ: Cần có các số liệu mới hơn, cập nhật các hệ thống đã xây dựng, bám sát thực tế xây dựng cũng như vận hành các hệ thống.

- Còn thiếu hạ tầng phòng chống thiên tai khác: Sạt lở bờ sông, bờ biển, các khu neo đậu tàu thuyền, tránh trú bão...

3) Về phương án phát triển thủy lợi, cấp nước:

- Định hướng cấp nước mặn cho NTTS: Bổ sung nghiên cứu cấp nước mặn từ biển cho khu vực NTTS vùng nuôi thuộc TP Hà Tiên, Kiên Lương.

- Cấp cấp nước sinh hoạt vùng hải đảo huyện Kiên Hải: Bên cạnh việc nâng cấp nhà máy hiện trạng, xem xét bổ sung phương án nguồn cho các nhà máy cấp nước hiện có, tại các đảo tập trung dân cư đông.

4) Phương án phòng chống thiên tai:

- Phân vùng rủi ro do xâm nhập mặn: Cần tính toán và vẽ bản đồ xâm nhập mặn tương ứng với việc vận hành các công trình kiểm soát mặn đã có, khi đó phân vùng rủi ro do xâm nhập mặn mới chính xác. Ví dụ, việc vận hành cống Cái Lớn, Cái Bé và các cống trên đê biển Tây của An Minh, An Biên sẽ làm thay đổi hoàn toàn việc phân bố mặn của vùng U Minh Thượng. Các cống kiểm soát mặn khu vực Rạch Giá cũng đã hoàn thành sẽ hạn chế mặn xâm nhập vào TP Rạch Giá (cống sông Kiên, Kênh Cụt, Kênh Nhánh, Tà Niên, Vàm Bà Lịch...).

- Phương án phòng chống thiên tai cần xác định rõ 2 nội dung: Phương án quản lý rủi ro và Phương án công trình phòng chống thiên tai. Trong báo cáo trình bày chung 2 nội dung và chưa rõ ràng.

- Phần Phương án kiểm soát lũ: Cần bổ sung nội dung xây dựng các khoảng không gian thoát lũ cho vùng TGLX.

- Mục: Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh: Nội dung này bị trùng, đã được trình bày trong phần trên.

- Cần bổ sung phương án di dân tái định cư đối với các vùng có nguy cơ sạt lở, quy hoạch hệ thống khu neo đậu tàu thuyền, tránh trú bão.

5) Phương án khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

- Mục 1: Phân vùng nguồn nước: Cần bổ sung đánh giá nguồn nước dưới đất (các tầng chứa nước, khả năng khai thác nước ngầm, hiện trạng khai thác...).
- Bổ sung thêm mục “ Dự báo xu thế, tiềm năng nguồn nước (nước mặt, nước mưa, nước dưới đất).
- Quy hoạch mới đánh giá được các nguồn nước cấp cho sinh hoạt, cần đánh giá nhu cầu, khả năng cung cấp nước cho các ngành dùng nước khác của tỉnh.
- Mục 3.2 cần bổ sung thêm tọa độ các trạm quan trắc vào Bảng VII.10.
- Nội dung phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Quy hoạch chưa thể hiện nội dung này, cần làm rõ NƯỚC gây ra những vấn đề gì với tỉnh Kiên Giang và đề xuất các giải pháp để khắc phục.

6) Hệ thống bản đồ:

- Bản đồ hiện trạng hiện trạng kết cấu Hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi tỉnh Kiên Giang 2020: Nên lược bỏ những yếu tố không liên quan để bản đồ dễ xem. Cập nhật hệ thống thủy lợi tỉnh Kiên Giang, bổ sung phần chú để dễ theo dõi.
- Bản đồ hiện trạng và bản đồ phương án phát triển hệ thống cấp nước sinh hoạt và xử lý nước thải tỉnh Kiên Giang: Xem xét lại đề xuất hướng thoát nước thải về phía An Giang, Cần Thơ, do khó để thực hiện được việc này.

Trên đây là một số góp ý đối với dự thảo Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước, phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai. Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam báo cáo Tổng cục Thủy lợi xem xét, quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng